

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Nghị

2. Ông Bùi Đức Thuận

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị H – sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm 1, PA, TX, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

**- *Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H<sub>1</sub> – sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm 1, PA, TX, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2020 của nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Giữa bà và bà Nguyễn Thị H là người cùng địa phương nên có quen biết, bà có cho bà H<sub>1</sub> vay tiền vào ngày 06/02/2018 số tiền 40.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, bà H<sub>1</sub> có viết giấy nợ cho bà, trong giấy nợ có ghi thời gian trả nợ là 01 tháng, không có lãi suất, khi vay chỉ một mình bà H<sub>1</sub> vay không có chồng bà H<sub>1</sub> tham gia. Giấy nợ do bà H<sub>1</sub> viết ký, ngoài ra không còn giấy nợ nào nữa. Từ khi vay đến nay bà H<sub>1</sub> chưa trả cho bà tiền gốc hay tiền lãi gì hết, đến hạn bà đã đòi nhiều lần nhưng bà H<sub>1</sub> không trả. Ngày 23/01/2020 bà H<sub>1</sub> có bán cho bà 03 con gà

với số tiền 750.000 đồng, bà đồng ý trừ 750.000 đồng vào số tiền gốc nên bà H1 còn nợ của bà số tiền là 39.250.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả số nợ 39.250.000đ một lần và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi trả xong nợ.

*Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Bà và bà Lê Thị H chỗ quen biết nhau nên vào ngày 06/02/2018 bà có vay của bà H số tiền 40.0000.000 đồng (bốn mươi triệu), bà có viết giấy nợ cho bà H, có ghi thời hạn trả nợ trong vòng 01 tháng, trong giấy không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng là 10.000.000 đồng/1.200.000đ/01 tháng, mục đích vay để chăn nuôi heo, khi vay chỉ một mình bà không có chồng cùng vay. Từ khi vay bà trả tiền lãi cho bà H cứ 01 tháng là 4.800.000 đồng trả đến tháng 7/2018. Tháng 8/2018 bà trả tiền gốc cho bà H 20.000.000 đồng và tiền lãi 4.800.000 đồng, khi trả không có giấy tờ gì, do bà H ghi vào sổ của bà H và trả cũng không có ai biết. Ngày 29 tết là ngày 23/01/2020 bà có bán gà cho bà H số tiền 750.000 đồng, bà H đồng ý trừ 750.000 đồng vào tiền nợ gốc nên bà chỉ còn nợ tiền gốc của bà H là 19.250.000 đồng. Do đó bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 19.250.000đ, còn tiền lãi bà đã trả nhiều rồi nên bà xin không trả, vì điều kiện khó khăn bà xin trả nợ dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 BLTT Dân sự năm 2015 và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Căn cứ Điều 357, 463, 468, 470 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Lê Thị H số tiền còn nợ gốc là 39.250.000.000 đồng và tiền lãi, lãi suất 10%/năm được bà H đồng ý, thời gian tính lãi từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị H1 chỉ còn nợ của bà H số tiền gốc là 19.250.000 đồng; xin trả nợ dần mỗi tháng 500.000 đồng và xin không trả tiền lãi vì không được nguyên đơn chấp nhận. Về án phí dân sự sơ thẩm bà H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trả nợ theo giấy vay ngày 06/02/2018, bị đơn bà H1 không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc một trong các trường hợp tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Giữa bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị H1 là chỗ quen biết nhau nên bà H có cho bà H1 vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 06/02/2018. Khi vay bà H1 viết giấy nợ cho bà H, có ghi thời hạn trả nợ 01 tháng, không ghi lãi suất. Ngày 23/01/2020 bà H1 có bán cho bà H 03 con gà với số tiền 750.000 đồng, bà H đồng ý trừ 750.000 đồng vào số tiền nợ gốc nên bà H1 còn nợ của bà H số tiền là 39.250.000đ. Từ khi vay đến nay bà H1 chưa trả nợ, nay bà H yêu cầu bà H1 phải trả nợ số tiền gốc là 39.250.000 đồng một lần và tính lãi. Bà H1 chỉ đồng ý còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 19.250.000 đồng vì tháng 8/2018 bà có trả cho bà H 20.000.000 đồng tiền gốc, bà H1 xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng và xin không trả lãi.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà H1 được xác lập ngày 06/02/2018 là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 BLDS năm 2015. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn bà H đã cung cấp chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 06/02/2018 số tiền 40.000.000 đồng do bà H1 viết và ký vào giấy nhận nợ. Bị đơn bà H1 cũng công nhận giấy mượn tiền trên là do bà viết và ký nhưng tháng 8/2018 bà đã trả tiền gốc cho bà H 20.000.000 đồng và 4.800.000 đồng tiền lãi, bà trả không có giấy tờ gì chứng minh đã trả nợ, việc trả nợ do bà H ghi vào sổ của bà H và khi trả cũng không có ai biết.

Xét việc bà H1 nài đã trả cho bà H 20.000.000 đồng tiền gốc vào tháng 8/2018 nhưng không được bà H thừa nhận, bà H1 cũng không có chứng cứ chứng minh cho việc nài của mình được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Đến hạn trả nợ bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà H1 không trả nợ là bà H1 đã vi phạm hợp đồng nên yêu cầu của bà H được HĐXX chấp nhận. Do đó, buộc bà H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền nợ gốc 39.250.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Hai bên thừa nhận trong hợp đồng vay không ghi lãi suất, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà H cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/ngày tức là 40.000.000đ/80.000đ/ngày nhưng từ khi vay đến nay bà H1 chưa trả tiền lãi cho bà, còn bị đơn bà H1 cho rằng hai bên thỏa thuận miệng là 10.000.000 đồng/1.200.000đ/01 tháng, từ khi vay bà đã trả tiền lãi cho bà H cứ 01 tháng là 4.800.000đ và trả đến năm 2019, từ năm 2020 đến nay chưa trả tiền lãi nhưng bà H1 không có chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi của mình và không

được nguyên đơn bà H thừa nhận, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu về việc trả lãi của bà H1.

Đối với việc nguyên đơn bà H yêu cầu bà H1 phải trả tiền lãi của khoản vay 39.250.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ để chấp nhận. Xét hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 470 của BLDS, theo giấy nợ ngày 06/02/2018 bà H1 có ghi trong vòng 01 tháng sẽ trả nhưng hết thời hạn trả nợ mà bà H1 không trả nợ thì bà H1 đã vi phạm hợp đồng. Do đó thời hạn tính lãi từ ngày vi phạm hợp đồng là ngày 07/3/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, tại phiên tòa hôm nay bà H đồng ý mức lãi suất là 10%/năm và thời gian tính lãi từ khi bà H1 vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật, nên bà H1 phải trả cho bà H tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015 (10%/năm tương đương 0,83%/tháng) được tính từ ngày 7/3/2018 trên số tiền chậm trả đến tại thời điểm trả nợ ngày 30/6/2020, được tính như sau:

Thời gian từ ngày 7/3/2018 đến ngày 22/01/2020 là 22 tháng 15 ngày của số tiền 40.000.000 đồng:

$40.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 22 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 7.470.000 \text{ đồng.}$

Thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/6/2020 là 5 tháng 8 ngày của số tiền 39.250.000 đồng:

$39.250.000đ \times 0,83\%/tháng \times 5 \text{ tháng } 8 \text{ ngày} = 1.715.748 \text{ đồng.}$

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà H1 phải trả cho bà H là: 48.435.748 đồng (tiền gốc 39.250.000 đ + tiền lãi 9.185.748 đ).

[2.3] Đối với yêu cầu của bà H1 xin trả nợ dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả tiền lãi vì hiện nay bà khó khăn không có khả năng trả nợ một lần. Yêu cầu của bà H1 không được nguyên đơn bà H chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được HĐXX chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 2.421.787 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 980.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0006726 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền vay ngày 06/02/2018.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 48.435.748 đồng (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng*) trong đó tiền gốc là 39.250.000 đồng, tiền lãi là 9.185.748 đồng.

*Kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị H1 không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì bà H1 còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

3. Bác lời nại của bà Nguyễn Thị H1 chỉ còn nợ bà Lê Thị H số tiền 19.250.000 đồng; Yêu cầu được trả dần tiền gốc và xin không trả lãi là không có căn cứ vì không được nguyên đơn chấp nhận.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.421.787 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H 980.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006726 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/6/2020 để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THA dân sự H. TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thị Minh Trí**